

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1167 /TCT-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

Về công bố thông tin tài chính năm 2022 của
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn-TNHH
Một thành viên.

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu Tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 6/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính năm 2022 tại đơn vị như sau:

1. Các chỉ tiêu tài chính trên Bảng Cân đối kế toán:

			Đơn vị tính: đồng
TÀI SẢN	Mã số	BCTC	BCTC hợp nhất
1	2	3	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	15.038.318.561.606	16.673.628.898.234
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	12.502.069.941.795	13.052.075.074.962
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.800.000.000	372.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	973.882.900.952	1.095.325.395.821
IV. Hàng tồn kho	140	974.398.022.784	1.551.356.302.796
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	581.167.696.075	602.072.124.655
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	4.159.702.069.646	11.286.968.273.106
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	16.460.272.000	20.431.728.306
II. Tài sản cố định	220	1.066.783.766.131	1.666.972.049.117

III. Bất động sản đầu tư	230	338.217.359.530	338.217.359.530
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	1.001.134.709.832	1.018.057.462.063
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.650.078.028.934	8.112.544.656.970
VI. Tài sản dài hạn khác	260	87.028.033.219	130.745.017.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	19.198.020.731.252	27.960.597.171.340
NGUỒN VỐN	Mã số	BCTC	BCTC hợp nhất
1	2	3	4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	2.894.460.831.690	3.975.424.345.621
I. Nợ ngắn hạn	310	2.286.794.891.951	3.268.733.858.837
II. Nợ dài hạn	330	607.665.939.739	706.690.486.784
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	16.303.559.899.562	23.985.172.825.719
I. Vốn chủ sở hữu	410	16.303.559.899.562	23.985.172.825.719
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	19.198.020.731.252	27.960.597.171.340

2. Các chỉ tiêu tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	BCTC	BCTC hợp nhất
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.017.501.588.004	8.333.838.451.993
2. Doanh thu hoạt động tài chính	21+24 31	4.038.317.005.022 134.137.845.855	5.611.959.789.099 158.155.826.563
3. Thu nhập khác			
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.471.571.003.281	5.147.490.496.282
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.446.958.486.174	5.080.826.611.097

* Doanh thu hoạt động tài chính trên Báo cáo tài chính hợp nhất là giá trị tổng của mã số 21- Doanh thu hoạt động tài chính và mã số 24-Phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh liên kết.

3. Các chỉ tiêu tài chính trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	BCTC	BCTC hợp nhất
1	2	3	
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(370.212.667.571)	3.415.283.346.581

2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.003.243.197.696	163.569.128.772
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.146.074.862.394)	(2.434.837.470.087)
4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	1.486.955.667.731	1.144.015.005.266
5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.015.282.213.420	11.908.301.665.121
6. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(167.939.356)	(241.595.425)
7. Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62		
8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61+62)	70	12.502.069.941.795	13.052.075.074.962

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông tin tài chính năm 2022 để thực hiện việc giám sát theo quy định./.

**Đính kèm: Báo cáo tài chính, báo cáo hợp nhất năm 2022 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính (để báo cáo)
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp (để báo cáo);
- HĐTV TCT (để báo cáo);
- Ban Kiểm Soát Tổng Công ty
- Các phòng Tổng Công ty: TCKT, KHĐTTC, PC, TT, CNTT;
- Lưu: VT, TCKT (MT).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lâm Quốc Thanh

